

THÔNG BÁO

Về việc Tuyển sinh Thạc sĩ Khóa 13 năm 2023 Chương trình Thạc sĩ Điều hành cao cấp - Executive MBA

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 31/8/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/12/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ Điều hành cao cấp Executive MBA. Trường Đại học Kinh tế quốc dân thông báo tuyển sinh Chương trình Thạc sĩ Điều hành cao cấp – Executive MBA năm 2023 khóa 13 như sau:

1. Mục tiêu và đối tượng đào tạo

- Chương trình Thạc sĩ Điều hành cao cấp nhằm trang bị và nâng cao các kiến thức, kỹ năng về quản trị và điều hành cho các nhà quản lý cấp cao. Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ năng lực, tự tin giải quyết một cách khoa học các vấn đề quản lý, điều hành ở vị trí đứng đầu trong các tập đoàn, doanh nghiệp, các tổ chức và cơ quan nhà nước.
- Đối tượng đào tạo của chương trình là những người đang giữ vị trí lãnh đạo, quản lý hoặc có triển vọng trở thành nhà quản lý cấp cao trong các tập đoàn, doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương và các tổ chức chính trị xã hội.

2. Thời gian, hình thức và ngôn ngữ đào tạo

- Thời gian đào tạo là 2 năm.
- Hình thức đào tạo: Học trực tiếp các ngày cuối tuần kết hợp với học trực tuyến trên hệ thống (các ngày trong tuần).
- Chương trình đào tạo được thực hiện bằng tiếng Việt.

3. Chương trình đào tạo và bằng cấp

- Thạc sĩ Điều hành cao cấp – Executive MBA trường Đại học Kinh tế quốc dân là chương trình đào tạo hiện đại, có tính ứng dụng cao và tương đồng với các chương trình Executive MBA tiên tiến trên thế giới. Quá trình học tập được kết hợp giữa giảng lý thuyết và thực hành thông qua hoạt động nhóm, tọa đàm với các chuyên gia quốc tế, các nhà quản lý cấp cao, các doanh nhân hàng đầu Việt Nam. Học viên được trải nghiệm, giải quyết các vấn đề quản trị điều hành thực tế tại các doanh nghiệp và các địa phương trong và ngoài nước.
- Khóa học được tổ chức theo phương thức đào tạo Executive MBA quốc tế với điều kiện, thiết bị học tập hiện đại; học viên được cung cấp đầy đủ tài liệu trước mỗi môn học, được phục vụ ăn trưa, ăn nhẹ giữa giờ trong các ngày học nhằm tăng cường cơ hội trao đổi bài học, chia sẻ kinh nghiệm và kết nối.
- Học viên hoàn thành đầy đủ các nội dung trong chương trình đào tạo (với 14 học phần, 2 chuyên đề trên lớp, 2 chuyên đề thực tế và đề án tốt nghiệp), đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ sẽ

được nhận bằng Thạc sĩ Điều hành cao cấp – vừa làm vừa học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, **được học tiếp lên hệ tiến sĩ.**

4. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến): 120 học viên cho hai Chương trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều hành cao cấp Executive MBA dành cho cơ quan nhà nước (ngành Quản lý Kinh tế).
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều hành cao cấp Executive MBA dành cho doanh nghiệp (ngành Quản trị Kinh doanh).

Ghi chú: Căn cứ vào tổng chỉ tiêu 2023 Trường ĐHKQTĐ đề xuất với Bộ GD&ĐT; căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký dự thi và kết quả thi tuyển thực tế, Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định số lượng thí sinh dự thi, thí sinh trúng tuyển cụ thể cho từng đợt, từng ngành cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo hiện hành.

5. Điều kiện dự tuyển: Thí sinh đăng ký dự tuyển cần thỏa mãn các điều kiện sau đây:

5.1. Điều kiện về thâm niên công tác và kinh nghiệm quản lý

Thí sinh cần có ít nhất 4 năm kinh nghiệm công tác thực tế, trong đó có 2 năm kinh nghiệm quản lý từ cấp phòng, ban, dự án,... hoặc tương đương trở lên thuộc các doanh nghiệp hoặc các cơ quan, tổ chức.

Kinh nghiệm công tác được tính từ ngày thí sinh có quyết định tuyển dụng, ngày ghi trong hợp đồng lao động hoặc ngày ghi trên bằng tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi nhưng không bao gồm thời gian theo học đại học của thí sinh. Kinh nghiệm quản lý được tính từ ngày thí sinh có quyết định bổ nhiệm đến ngày dự thi.

5.2. Điều kiện về văn bằng

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ/ tiến sĩ các ngành đúng, ngành gần thuộc lĩnh vực kinh tế, quản trị, quản lý được dự tuyển không phải học bổ sung kiến thức;
- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành phù hợp, không thuộc các ngành quy định ở trên phải học bổ sung kiến thức 05 môn trước khi thi tuyển gồm: (1) Kinh tế học; (2) Quản trị kinh doanh; (3) Quản lý học; (4) Kinh tế phát triển; (5) Lý thuyết tài chính tiền tệ.

5.3. Điều kiện về năng lực ngoại ngữ

Thí sinh phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngôn ngữ nước ngoài áp dụng tại nội dung này là tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Nhật. Cụ thể, thí sinh phải thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ dưới đây:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường ĐHKQTĐ cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại *Phụ lục 1* ban hành kèm theo Thông báo này và còn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp văn bằng hoặc chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

- Các thí sinh không có chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ như quy định ở trên sẽ được tham dự đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) do Trường tổ chức. Lịch cụ thể sẽ thông báo trên website.

Lưu ý: Các văn bằng và bằng điểm đại học, thạc sĩ và tiến sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh của Chương trình bao gồm 2 phần sau:

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ về quá trình học tập, công tác và quản lý của thí sinh. Điểm hồ sơ được xác định dựa trên các tiêu chí về: chức vụ, kinh nghiệm công tác và quản lý; quá trình đào tạo và phẩm chất, năng lực cá nhân thí sinh.
- Phần 2: Phỏng vấn nhằm đánh giá động cơ và khả năng hoàn thành khóa học; kiểm tra kiến thức và kinh nghiệm xử lý tình huống quản lý.

Điều kiện xét trúng tuyển:

- Thí sinh đạt điều kiện về ngoại ngữ như đã nêu ở trên
- Điểm của các phần: phần 1, phần 2 đạt từ 50% điểm mỗi phần trở lên
- Điểm xét tuyển: Tính bằng tổng kết quả của phần 1 và phần 2. Điểm trúng tuyển được lấy từ cao xuống thấp.

7. Học bổ sung kiến thức

Đợt đăng ký	Thời gian đăng ký học	Thời gian học và thi
Đợt 1	27/01/2023 – 15/04/2023	15/04/2023 - 28/05/2023
Đợt 2	06/06/2023 - 10/09/2023	10/09/2023 – 24/10/2023

- Lệ phí bổ sung kiến thức: 830.000 đồng/ học phần

8. Hồ sơ dự tuyển: Thí sinh có thể chọn một trong 2 phương thức:

- Nhận hồ sơ phát hành trực tiếp tại Viện Đào tạo Sau đại học (miễn phí) hoặc sử dụng bản mềm từ website của Viện Đào tạo Sau đại học, hoàn thiện và nộp cùng các loại giấy tờ cần thiết khác trong hồ sơ đăng ký dự thi. (*Chi tiết Hồ sơ dự tuyển thí sinh xem tại Phụ lục 2*)
- Thời gian phát hành và thu hồ sơ:
 - Đợt 1: Từ ngày 20/01 đến 25/05/2023.
 - Đợt 2: Từ ngày 06/06 đến ngày 25/10/2023
- Lệ phí thi tuyển (nộp cùng hồ sơ dự tuyển): 1.500.000 đồng.

9. Kế hoạch tuyển sinh

	Ngày thi tuyển sinh	Công bố kết quả	Tổ chức nhập học	Khai giảng và học tập
Đợt 1	04/06/2023	10/6 - 15/6/2023	Tháng 7/2023	Tháng 8/2023
Đợt 2	05/11/2023	9/11 – 20/11/2023	Tháng 11/2023	Tháng 11/2023

10. Học phí và kinh phí

Tổng số học phí và kinh phí toàn khóa học: 160.000.000 đồng, nộp theo 3 đợt. Trong đó:

- o Học phí: 138.000.000 đồng/khóa
- o Kinh phí tổ chức các hoạt động hỗ trợ học viên: 22.000.000 đồng/khóa.
- Cụ thể theo từng đợt như sau:
 - o Đợt 1: 60.000.000 đồng, nộp khi nhập học,
 - o Đợt 2: 60.000.000 đồng, nộp trước ngày 15/3/2024,
 - o Đợt 3: 40.000.000 đồng, nộp trước ngày 15/10/2024.

11. Thông tin liên hệ: VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Phòng 405, Tòa nhà A1, Trường Đại học Kinh tế quốc dân,

Số 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024)36.280.280, máy lẻ: 5438, 5420, 5435 và 5437.

Hotline: **0796.288.688**

Email: executivemba@neu.edu.vn

Website (Viện ĐTSDH): sdh.neu.edu.vn

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các Bộ, ngành (Vụ Tổ chức);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các viện nghiên cứu, trường Đại học, Học viện;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty, ngân hàng, doanh nghiệp;
- Lưu VT, SDH.



GS.TS Phạm Hồng Chương

Phụ lục 1: Điều kiện miễn thi môn Ngoại ngữ

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

1. Danh mục chứng chỉ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4,0 - 5,0	5,5 - 6,5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Test по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

2. Danh mục các trường Đại học được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tính đến ngày 05/01/2023)

TT	Tên trường	STT	Tên trường
1	Đại học Bách khoa Hà Nội	14	Trường Đại học Ngoại ngữ – ĐH Huế
2	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	15	Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội
3	Học viện An ninh nhân dân	16	Trường Đại học Quy Nhơn
4	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	17	Trường Đại học Sài Gòn
5	Học viện Cảnh sát nhân dân	18	Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội
6	Học viện Khoa học quân sự	19	Trường Đại học Sư phạm TP.HCM
7	Trường Đại học Cần Thơ	20	Trường Đại học Tây Nguyên
8	Trường ĐH CN thực phẩm TP.HCM	21	Trường Đại học Thái Nguyên
9	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	22	Trường Đại học Thương mại
10	Trường Đại học Hà Nội	23	Trường Đại học Trà Vinh
11	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM	24	Trường Đại học Văn Lang
12	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	25	Trường Đại học Vinh
13	Trường Đại học Ngoại ngữ – ĐH Đà Nẵng		

Phụ lục 2: Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển gồm:

- 1) Phiếu đăng ký dự thi có nhận xét của Thủ trưởng cơ quan quản lý; ảnh có đóng dấu giáp lai
- 2) Phiếu cung cấp thông tin xét tuyển, in trên khổ giấy A4, tối đa 6 trang
- 3) 02 bản sao công chứng của bằng Đại học hoặc Thạc sĩ/ Tiến sĩ
- 4) 02 bản sao công chứng bảng điểm tương ứng (nếu có)
- 5) 02 bản sao công chứng văn bằng hoặc chứng chỉ đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ
- 6) Bản sao công chứng Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu
- 7) Bản sao công chứng của Quyết định bổ nhiệm (hoặc chứng minh thâm niên lãnh đạo)
- 8) Bản photo của Quyết định hoặc Hợp đồng lao động hoặc văn bản chứng minh thâm niên công tác (nếu có)
- 9) Bản photo các văn bằng, chứng chỉ chứng minh quá trình học tập và các khóa bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đã tham gia (nếu có);
- 10) Bản photo các loại Bằng khen, giấy khen và minh chứng thành tích nổi bật trong quá trình học tập, công tác (lợi thế trong chấm hồ sơ, nếu có);
- 11) 02 ảnh cá nhân 4x6 (ghi rõ tên và ngày tháng năm sinh ở mặt sau)
- 12) Chứng nhận kết quả học bổ sung kiến thức đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cấp (nếu có)

Phụ lục 3: Danh mục các ngành phù hợp

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NGÀNH ĐÚNG		NGÀNH GẦN	NGÀNH PHÙ HỢP
	Tên ngành	Mã số	Tên ngành	Mã số		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Quản lý kinh tế	8310110	Khoa học quản lý	7340401	Các ngành đào tạo trong Bảng 1 dưới đây, trừ các NGÀNH ĐÚNG trong cột (4+5) ở bên. ĐÚNG (cột 4+5) và ngành GẦN (cột 6) ở bên.	Các ngành đào tạo trong “Danh mục thống kê ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học”, trừ các ngành ĐÚNG (cột 4+5) và ngành GẦN (cột 6) ở bên.
2	Quản trị kinh doanh	8340101	Quản trị kinh doanh	7340101		

Bảng 1. Danh mục các ngành gần

(theo Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên ngành	Mã số	TT	Tên ngành	Mã số
1	Bảo hiểm	7340204	28	Quản lý công nghiệp	7510601
2	Bất động sản	7340116	29	Quản lý đất đai	7850103
3	Công nghệ tài chính	7340205	30	Quản lý đô thị và công trình	7580106
4	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	31	Quản lý dự án	7340409
5	Kế toán	7340301	32	Quản lý giáo dục	7140114
6	Khoa học quản lý	7340401	33	Quản lý hoạt động bay	7840102
7	Kiểm toán	7340302	34	Quản lý nhà nước	7310205
8	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	35	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	7860109
9	Kinh doanh thời trang và dệt may	7340123	36	Quản lý tài nguyên rừng	7620211
10	Kinh doanh thương mại	7340121	37	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101
11	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	38	Quản lý thể dục thể thao	7810301
12	Kinh tế	7310101	39	Quản lý thông tin	7320205
13	Kinh tế chính trị	7310102	40	Quản lý thủy sản	7620305
14	Kinh tế công nghiệp	7510604	41	Quản lý trật tự an toàn giao thông	7860110
15	Kinh tế đầu tư	7310104	42	Quản lý văn hóa	7229042
16	Kinh tế gia đình	7810501	43	Quản lý xây dựng	7580302
17	Kinh tế nông nghiệp	7620115	44	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
18	Kinh tế phát triển	7310105	45	Quản trị khách sạn	7810201
19	Kinh tế quốc tế	7310106	46	Quản trị kinh doanh	7340101
20	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102	47	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202
21	Kinh tế vận tải	7840104	48	Quản trị nhân lực	7340404
22	Kinh tế xây dựng	7580301	49	Quản trị văn phòng	7340406
23	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	50	Tài chính – Ngân hàng	7340201
24	Marketing	7340115	51	Thống kê kinh tế	7310107
25	Quan hệ lao động	7340408	52	Thương mại điện tử	7340122
26	Quản lý bệnh viện	7720802	53	Tổ chức và Quản lý y tế	7720801
27	Quản lý công	7340403	54	Toán kinh tế	7310108